

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HC-ST

Ngày 09 - 4 - 2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Văn Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hữu Cương

2. Ông Vũ Đức Chung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 63/2023/HC-ST ngày 24/10/2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐST-HC ngày 26/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2024/QĐST-HC ngày 12/3/2024 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Đỗ Văn D

Địa chỉ: Tổ 02, phường P, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ: Số 091, phố X, tổ 4, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Tô Ngọc L - Chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã S.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Phạm Tiến D - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị xã S. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo Đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Người khởi kiện ông Đỗ Văn D trình bày:***

Ngày 04/7/2011 Ủy ban nhân dân (Viết tắt: UBND) huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSDĐ) số BA 867376 mang tên hộ bà Đinh Thị D và ông Đỗ Văn D, diện tích 75m<sup>2</sup>, loại đất ODT, thời hạn sử dụng lâu dài; vị trí thửa đất: Tổ 9C, thị trấn S (nay là Tổ 2, phường P), nguồn gốc sử dụng đất: Nhận chuyển nhượng.

Ngày 17/01/2017 ông D và bà D thuận tình ly hôn Quyết định số: 02/2017/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện S, trong quyết định của Tòa án có nêu rõ: Về tài sản chung và công nợ chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 15/02/2017 ông D và bà D đã có văn bản thỏa thuận phân chia tài sản và thống nhất chia quyền sử dụng đất theo GCNQSDĐ số BA 867376 do UBND huyện S cấp ngày 04/7/2011 trên là tài sản của bà Đinh Thị D; ông D được chia quản lý, sử dụng nhà và đất tại thửa đất có diện tích 101,0m<sup>2</sup> tại tổ 2, phường P, thị xã S đã làm thủ tục (thực hiện xong nghĩa vụ tài chính từ năm 2004) nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ. Sau khi thỏa thuận phân chia, ông D và bà D quản lý, sử dụng tài sản của mình theo thỏa thuận.

Ngày 27/4/2022, tại Văn phòng công chứng S dưới sự chứng kiến của Công chứng viên, trên cơ sở văn bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 15/2/2017 ông D và bà D đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn (Số công chứng 473. Quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HNGĐ).

Từ năm 2017, UBND thị xã S đã thực hiện thu hồi đối với diện tích đất của ông D (thửa số 17, tờ bản đồ số 64), theo đó đã ban hành các quyết định hành chính liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Ngày 26/10/2022 UBND thị xã S ban hành Quyết định số: 3194/QĐ-UBND v/v điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 và một phần nội dung Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND thị xã S đối với hộ ông Đỗ Văn D, cụ thể lý do điều chỉnh trong quyết định đưa ra là: Tại thời điểm phê duyệt Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022, hộ ông Đỗ Văn D còn đất ở trong địa bàn phường P ngoài thửa đất ở bị thu hồi (GCNQSDĐ số BA 867376 do UBND huyện S (nay là UBND thị xã S) cấp ngày 04/7/2011, diện tích 75m<sup>2</sup>, mang tên hộ bà Đinh Thị D và ông Đỗ Văn D). Do vậy ông D đủ điều kiện được bồi thường bằng đất ở theo điểm b khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai và không đủ điều kiện được hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu theo điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013.

Đến ngày 26/12/2022 UBND thị xã S đã ban hành Quyết định số 4794/QĐ-UBND v/v thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình Đền bù, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu trung tâm hành chính mới thị xã S (hộ bà Đinh Thị D), thửa đất thu hồi là thửa đất nằm trong GCNQSDĐ số BA 867376 do UBND huyện S cấp ngày 04/7/2011. Cùng ngày

26/12/2022 UBND thị xã S đã ban hành Quyết định số 4796/QĐ-UBND v/v phê duyệt phương án bồi thường và Dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình Đền bù, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu trung tâm hành chính mới thị xã S đối với 04 hộ gia đình, trong đó có bà Đinh Thị D được phê duyệt giao 01 suất đất tái định cư chính chủ theo điểm a khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 và có hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu do phải di chuyển chỗ ở.

Như vậy, Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND thị xã S đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D. Cụ thể: Ông D bị thu hồi đất ở nhưng tại thời điểm thu hồi đất không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi nên phải được áp dụng theo điểm a khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 chứ không phải theo điểm b khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 như trong Quyết định số: 3194/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND thị xã S đã nêu. Theo Điều 86 Luật Đất đai 2013 thì ông D bị thu hồi đất ở, nhà ở, hiện tại đang sinh sống tại căn nhà bị thu hồi, có nghĩa là phải dỡ nhà di chuyển nhà ở tại nơi thu hồi (di chuyển chỗ ở). Do đó ông D đủ điều kiện được hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 4 Điều 86 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (phần chênh lệch giữa số tiền bồi thường về đất số tiền sử dụng đất mà gia đình ông phải nộp để được cấp đất tái định cư). Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Tuyên hủy bỏ một phần nội dung Quyết định số: 3194/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND thị xã S v/v điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 và một phần nội dung Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 đối với hộ ông Đỗ Văn D;

- Buộc UBND thị xã S phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ, phê duyệt bổ sung hỗ trợ 01 suất tái định cư tối thiểu cho hộ ông Đỗ Văn D theo quy định của pháp luật.

***Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai trình bày:***

*Thứ nhất*, về quá trình thu hồi đối với trường hợp của hộ ông Đỗ Văn D - tổ 2, phường P, thị xã S.

- Ngày 08/5/2017, UBND huyện S (nay là UBND thị xã S) ban hành Thông báo số 103/TB-UBND, về việc Thông báo thu hồi đất của hộ ông Đỗ Văn D (thửa số 17, tờ bản đồ số 64).

- Ngày 06/7/2020, Trung tâm phát triển thị xã S ban hành Giấy mời số 66/GM-TTPTQĐ về việc kiểm đếm đất, tài sản, hoa màu gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi để thực hiện dự án: Khu trung tâm hành chính mới huyện S.

- Ngày 10/7/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S đã chủ trì phối hợp với hộ ông Đỗ Văn D và các đơn vị liên quan tiến hành thống kê kiểm đất, tài sản, hoa màu của hộ ông Đỗ Văn D.

- Ngày 28/6/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S ban hành Thông báo số 45/TB-TTPTQĐ về niêm yết công khai dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (trong đó có dự thảo phương án bồi thường của hộ ông Đỗ Văn D).

- Ngày 16/7/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan và các hộ gia đình có liên quan trong dự thảo phương án (trong đó có ông Đỗ Văn D tham gia) tiến hành họp lấy ý kiến dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Ngày 12/10/2021, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 711/QĐ-UBND, Quyết định số 712/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án Khu trung tâm hành chính mới huyện S. UBND phường P đã niêm yết công khai theo quy định tại Trụ sở UBND phường và điểm sinh hoạt chung của tổ dân phố số 2, phường P.

- Ngày 23/02/2022, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND, về việc điều chỉnh một phần quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 của UBND thị xã về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án Khu trung tâm hành chính mới huyện S.

- Ngày 08/7/2022, UBND thị xã ban hành Quyết định số 2045/QĐ-UBND về giao đất có thu tiền sử dụng đất cho hộ ông Đỗ Văn D do GPMB thực hiện công trình: Đền bù, GPMB để thực hiện dự án Khu trung tâm hành chính mới huyện S.

- Ngày 26/10/2022, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 3194/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022, một phần Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND thị xã đối với hộ ông Đỗ Văn D. Lý do điều chỉnh tại thời điểm phê duyệt Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/2/2022, hộ ông Đỗ Văn D còn đất ở trong địa bàn phường P (Giấy CNQSD đất số BA 867376 do UBND huyện S cấp ngày 04/7/2011, diện tích 75 m<sup>2</sup>, mang tên hộ bà Đinh Thị D và ông Đỗ Văn D).

Do đó, trường hợp thu hồi đất của hộ ông Đỗ Văn D đã đảm bảo đúng thẩm quyền thu hồi theo Khoản 2, Điều 66; trình tự, thủ tục thu hồi theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

*Thứ hai*, về khung giá đất áp dụng khi thu hồi đất và tài sản trên đất đối với hộ gia đình ông Đỗ Văn D:

Căn cứ về khung giá đất áp dụng đối với hộ ông D:

- Quyết định số 56/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Lào Cai quy định về bảng giá đất 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh Lào Cai, về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường và giá đất cụ thể để giao đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại các huyện, thị xã và thành phố.

Căn cứ về khung giá áp dụng đối với tài sản, hoa màu trên đất:

- Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh Lào Cai, về việc ban hành Quy định một số nội dung bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Lào Cai, về việc ban hành Quy định bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai

*Thứ ba*, căn cứ đề bồi thường 01 suất đất ở cho ông Đỗ Văn D.

Hộ ông Đỗ Văn D bị thu hồi 101 m<sup>2</sup> đất ở tại đô thị, thuộc tờ bản đồ số 64, thửa đất số 17.

- Nguồn gốc thửa đất: Nhận chuyển nhượng của ông Đào Nguyên Bình và bà Nguyễn Thị Phương tháng 01/2004 (*giấy chuyển nhượng nhà và đất ở viết tay ngày 08/01/2003; phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 23/9/2020; Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 01/6/2021 của UBND phường P*).

UBND thị xã S xác định thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích để ở của hộ ông Đỗ Văn D là từ tháng 01/2004.

- Tính pháp lý của thửa đất: Thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ gia đình không có các loại giấy tờ theo điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Căn cứ nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng vào mục đích để ở của ông Đỗ Văn D, đối chiếu với các quy định hiện hành, hộ gia đình ông D đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất ở, nên đủ điều kiện được bồi thường về đất ở. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013, UBND thị xã S đã bồi thường cho hộ ông Đỗ Văn D 01 suất đất ở tại Khu tái định cư Tây Bắc.

*Thứ tư*, lý do UBND thị xã S không hỗ trợ suất TĐC tối thiểu cho hộ ông Đỗ Văn D.

\* Điều kiện được hưởng chính sách hỗ trợ tái định cư:

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013. “*c, Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở*”.

Tại thời điểm thống kê, bồi thường hộ ông Đỗ Văn D không sinh sống tại thửa đất bị thu hồi, do đó không phải di chuyển chỗ ở. Ông D sinh sống cùng con trai là Đỗ Trường Giang tại thửa đất đã cấp GCNQSDĐ số X 043298 ngày 12/11/2003, diện tích 92,4m<sup>2</sup>, đất ở, mang tên Đỗ Trường Giang (thửa đất số 32, tờ bản đồ số 94, bản đồ địa chính thị trấn S năm 2018).

Theo Văn bản số 156/VPĐK-TTLT ngày 05/5/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai xác định (*tại thời điểm thu hồi đất Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 12/10/2021*), hộ ông Đỗ Văn D còn thửa đất ở hợp pháp khác ngoài thửa đất ở bị thu hồi, thửa đất theo GNQSDĐ số BA 867376 do UBND huyện S cấp ngày

04/7/2011, mang tên hộ bà Đinh Thị D và ông Đỗ Văn D, với diện tích 75 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất ở đô thị.

Bên cạnh đó theo Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 01/6/2021 của UBND phường P xác định hộ ông D không sinh sống tại thửa đất thu hồi. không đủ điều kiện được hỗ trợ suất TĐC tối thiểu theo điểm c, Khoản 2, Điều 83, Luật Đất đai năm 2013.

Từ các căn cứ đã nêu trên, UBND thị xã S xác định hộ ông Đỗ Văn D bị thu hồi đất ở, nhưng không phải di chuyển chỗ ở. Do đó, hộ ông Đỗ Văn D không đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo điểm c Khoản 2 Điều 83, Khoản 4 Điều 86 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 1 Điều 22 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Như vậy, việc UBND thị xã S căn cứ các quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành để thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản, hoa màu của hộ ông Đỗ Văn D đúng, đầy đủ với chế độ, chính sách theo quy định pháp luật. Việc hộ ông Đỗ Văn D yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 là không có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thông nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các đương sự đều có Đơn đề nghị không tiến hành đối thoại. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 66, Điều 69, Điều 83 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện ông Đỗ Văn D; Tuyên án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tại phiên tòa, Người khởi kiện ông Đỗ Văn D và Người đại diện hợp pháp của Người bị kiện UBND thị xã S đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:  
Ông Đỗ Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Tuyên hủy bỏ một phần nội dung Quyết định số: 3194/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND thị xã S V/v điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 và một phần nội dung Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 đối với hộ ông Đỗ Văn D;

- Buộc UBND thị xã S phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ, phê duyệt bổ sung hỗ trợ 01 suất tái định cư tối thiểu cho hộ ông Đỗ Văn D theo quy định của pháp luật.

Xét thấy đối tượng khởi kiện là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật của vụ án là “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, quyết định hành chính được khởi kiện trong thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn D:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị kiện:

Ngày 12/10/2021, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 711/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án: Đền bù, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu trung tâm hành chính mới huyện S đối với hộ ông Đỗ Văn D (Diện đất đất ở tại đô thị 101m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 64, thửa đất số 17).

Cùng ngày 12/10/2021, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 712/QĐ-UBND phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện công trình: Đền bù, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu trung tâm hành chính mới huyện S đối với 15 hộ trong đó có hộ ông D.

Ngày 23/02/2022, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND điều chỉnh một phần Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 12/10/2021.

Ngày 26/10/2022, UBND thị xã S ban hành Quyết định điều chỉnh một phần Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 và một phần Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 đối với hộ ông Đỗ Văn D.

Như vậy, Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 là thu hồi quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân do UBND thị xã S ban hành là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. Theo điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013 quy định: “*UBND cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày*”. UBND thị xã S đã ban hành quyết định về việc thu hồi đất nên cũng có thẩm quyền ban hành Quyết định số 712/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và 01 quyết định này ban hành cùng một ngày là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền. Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 và Quyết

định số 3194/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 là các quyết định điều chỉnh một phần quyết định về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do UBND thị xã S ban hành là đúng quy định.

[3.2] Về trình tự, thủ tục:

Ông D có quyền sử dụng đối với diện tích đất 101m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 64, thửa số 17 tại tổ 2, phường P, thị xã S là diện tích được thu hồi để thực hiện Dự án: Đền bù, giải phóng mặt bằng Khu trung tâm hành chính mới thị xã S. Xét thấy, dự án: Đền bù, giải phóng mặt bằng Khu trung tâm hành chính mới thị xã S là dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt quy hoạch chi tiết theo Quyết định số 4289/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 và được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai chấp thuận tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 17/7/2017. Do đó, toàn bộ diện tích đất theo quy hoạch để xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Tại Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 12/10/2021, UBND thị xã S xác định chủ sử dụng đất bị thu hồi là hộ ông D, diện tích đất bị thu hồi là 101m<sup>2</sup> đất ở đô thị. Trong vụ án, ông D không khởi kiện đối với Quyết định số 711/QĐ-UBND mà khởi kiện đối với Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND thị xã S, đây là quyết định được ban hành trên cơ sở quyết định thu hồi đất và điều chỉnh các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã ban hành trước đó nên khi xem xét về trình tự, thủ tục ban hành quyết định cần xem xét toàn bộ trình tự, thủ tục thu hồi đất. Cụ thể:

- Ngày 08/5/2017, UBND huyện S ban hành Thông báo thu hồi đất số 103/TB-UBND đối với hộ ông D (Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 64);

- Ngày 06/7/2020, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S có Giấy mời số 66/GM-TTPTQĐ v/v kiểm đếm đất, tài sản, hoa màu gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi để thực hiện dự án: Khu trung tâm hành chính mới huyện S;

- Ngày 28/6/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S có Thông báo số 45/TB-TTPTQĐ niêm yết công khai dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình: Đền bù, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu trung tâm hành chính mới huyện S.

- Ngày 16/7/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã S có buổi làm việc v/v họp lấy ý kiến trực tiếp về dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu trung tâm hành chính mới huyện S;

- Ngày 12/10/2021, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 711/QĐ-UBND v/v thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án: Đền bù,



giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu trung tâm hành chính mới huyện S (Hộ ông Đỗ Văn D);

- Ngày 12/10/2021, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 712/QĐ-UBND phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện công trình: Đền bù, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu trung tâm hành chính mới huyện S đối với 15 hộ trong đó có hộ ông D.

- Ngày 23/02/2022, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 110/QĐ-UBND điều chỉnh một phần Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 12/10/2021.

- Ngày 02/6/2022, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 228/QĐ-UBND điều chỉnh một phần Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022, một phần Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 28/12/2021, một phần Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 (Tuy nhiên đối với hộ ông D thì nội dung vẫn giữ nguyên như Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022).

- Ngày 26/10/2022, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 3194/QĐ-UBND điều chỉnh một phần Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 và một phần Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 đối với hộ ông Đỗ Văn D.

Như vậy, việc UBND thị xã S thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Đỗ Văn D là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

### [3.3] Về nội dung:

Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND thị xã S điều chỉnh một phần Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 và một phần Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 có nội dung liên quan đến việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện công trình Đền bù, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Khu trung tâm hành chính mới huyện S. Theo đó, ông D có đất bị thu hồi được bồi thường về đất, tài sản, hoa màu trên đất tổng số tiền 909.268.783 đồng, tổng giá trị hỗ trợ là 12.200.000 đồng, được bồi thường 01 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất, không hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu.

Đối với việc thu hồi đất và các khoản bồi thường, hỗ trợ, bồi thường 01 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất thì ông D nhất trí, không khởi kiện. Tuy nhiên, ông D không nhất trí với nội dung quyết định của UBND thị xã S về việc không hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu cho ông.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Khi UBND thị xã S thực hiện thủ tục thu hồi đất đối với hộ ông D tại Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 12/10/2021 hộ ông D không được bồi thường về đất, được bồi thường về tài sản, hoa màu và hỗ trợ tổng số tiền là 232.518.783 đồng và được giao 01 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất theo giá đất cụ thể do UBND tỉnh Lào Cai quyết định. Sau khi UBND thị xã S ban hành Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 12/10/2021, ông D đã có khiếu nại. Tại Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 đã điều chỉnh một phần Quyết định số 712 trong đó ông D được bồi thường, hỗ trợ

tổng số tiền 921.468.783 đồng và được bồi thường 01 suất đất ở (***có hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu***) (Lý do điều chỉnh: Theo Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc giải quyết khiếu nại của ông Đỗ Văn D và Văn bản số 12/UBND-ĐC ngày 12/01/2022 của UBND phường P về việc đính chính một phần nội dung Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 01/6/2021). Đến ngày 26/10/2022, UBND thị xã S ban hành Quyết định số 3194/QĐ-UBND trong đó điều chỉnh một phần Quyết định số 110, theo đó hộ ông D được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 921.468.783 đồng và được bồi thường 01 suất đất ở nhưng không hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu, lý do điều chỉnh: Tại thời điểm phê duyệt Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 hộ ông D còn đất ở trong địa bàn phường P ngoài thửa đất ở bị thu hồi (GCNQSDĐ số BA 867376 do UBND huyện S cấp ngày 04/7/2011, diện tích 75m<sup>2</sup>, mang tên hộ bà Đình Thị D và ông Đỗ Văn D). Do vậy, ông D đủ điều kiện bồi thường bằng đất ở theo điểm b khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai và không đủ điều kiện được hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu theo điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013.

Xét thấy:

Đối với diện tích đất bị thu hồi của ông D chưa được cấp GCNQSDĐ nhưng có đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ nên đủ điều kiện để bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. UBND thị xã S thu hồi đất, phê duyệt bồi thường về đất với số tiền và 01 suất đất ở là đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc hỗ trợ tái định cư tối thiểu thấy rằng: Tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai 2013 quy định về các khoản hỗ trợ khi nhà nước thu hồi trong đó có: *“Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở”*.

Tại Điều 22 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất quy định:

*“Việc hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 83 của Luật Đất đai được thực hiện như sau:*

*1. Hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường về đất nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu quy định tại Điều 27 của Nghị định này thì được hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất.*

*2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy mô diện tích đất ở thu hồi, số nhân khẩu của hộ gia đình và điều kiện cụ thể tại địa phương quy định mức hỗ trợ cho phù hợp.”*

Quá trình giải quyết vụ án, UBND thị xã S cho rằng hộ ông D bị thu hồi đất ở nhưng không phải di chuyển chỗ ở, cụ thể tại Báo cáo số 134/BC-UBND

ngày 01/6/2021 của UBND phường P xác định hộ ông D không sinh sống tại thửa đất thu hồi, thời điểm thống kê, bồi thường ông D sinh sống cùng con trai tại thửa đất đã cấp GCNQSDĐ số X 043298 ngày 12/11/2003 mang tên Đỗ Trường Giang. Ngoài ra, theo Văn bản số 156/VPĐK-TTLT ngày 05/5/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai xác định (tại thời điểm thu hồi đất Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 12/10/2021), hộ ông Đỗ Văn D còn thửa đất ở hợp pháp khác ngoài thửa đất ở bị thu hồi, thửa đất theo GNQSDĐ số BA 867376 do UBND huyện S cấp ngày 04/7/2011, mang tên hộ bà Đinh Thị D và ông Đỗ Văn D, với diện tích 75 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất ở đô thị.

Đối với việc UBND thị xã S cho rằng tại thời điểm thu hồi đất (Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 12/10/2021) hộ ông D còn thửa đất ở hợp pháp khác trên cùng địa bàn phường P thấy rằng: Ngày 04/7/2011 hộ bà Đinh Thị D và ông Đỗ Văn D được cấp GCNQSDĐ số BA 867376, tuy nhiên ngày 17/01/2017 ông D và bà D đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 02/2017/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện S. Mặc dù ông D và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nhưng do ông bà đã ly hôn nên tài sản là quyền sử dụng theo GCNQSDĐ số BA 867376 và các tài sản khác sẽ được thỏa thuận phân chia.

Ngày 18/01/2017 Ông D và bà D đã lập văn bản cam kết chia tài sản sau khi ly hôn, nội dung như sau: “Chúng tôi có 02 mảnh đất và nhà ở cấp 4 tại hai điểm khác nhau thuộc tổ 9 c thị trấn S:

1. Đất và nhà địa chỉ số 28 ngõ 606 Điện Biên Phủ thuộc tổ 9c diện tích là 75m<sup>2</sup> đã được cấp GCNQSDĐ

2. Thửa đất và ngôi nhà địa chỉ số 10 đường Phạm Ngọc Thạch thuộc tổ 9c diện tích là 100m<sup>2</sup> đã làm hồ sơ và nộp trước bạ nhưng chưa được cấp bìa đỏ.

Sau khi bàn bạc cùng đồng thuận phân chi tài sản như sau:

- Bà Đinh Thị D được toàn quyền sở hữu đất và nhà ở tại địa chỉ số 28 ngõ 606 Điện Biên Phủ thuộc tổ 9c, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Ông Đỗ Văn D và anh Đỗ Văn Duy được toàn quyền sở hữu đất và nhà ở tại địa chỉ số 10 đường Phạm Ngọc Thạch thuộc tổ 9c, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai (Nay thuộc tổ 02, phường Phan Si Phan, thị xã S).”

Xét thấy việc thỏa thuận về tài sản trên là phù hợp với quy định tại Điều 29, 30 và Điều 31 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hiện nay pháp luật không quy định về chia tài sản chung sau khi ly hôn bắt buộc phải được công nhận bằng quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án hay phải được thỏa thuận bằng văn bản có công chứng, chứng thực. Hơn nữa, ngày 08/5/2017, UBND huyện S (nay là UBND thị xã S) ban hành Thông báo số 103/TB-UBND, về việc Thông báo thu hồi đất của hộ ông Đỗ Văn D (thửa số 17, tờ bản đồ số 64); Ngày 10/7/2020 tiến hành việc kiểm đếm nhà đất và tài sản trên đất đối với chủ sử dụng đất hợp pháp ông Đỗ Văn D theo Thông báo thu hồi đất số 103/TB -UBND ngày 08/5/2017. Quyết định thu hồi đất đối với hộ ông D được ban hành thời điểm 12/10/2021 nhưng đến ngày 26/10/2022 UBND thị xã S vẫn ban hành Quyết định

điều chỉnh về việc phê duyệt bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông D nên việc xác định căn cứ bồi thường, hỗ trợ phải xem xét tại thời điểm điều chỉnh. Ngày 18/01/2017, Ông D và bà D đã lập văn bản cam kết chia tài sản sau khi ly hôn trên. Ngày 27/4/2022, giữa ông D và bà D đã lập Văn bản phân chia tài sản tại Văn phòng công chứng để làm căn cứ đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với biến động về chủ sử dụng quyền sử dụng theo GCNQSDĐ số BA 867376. Đến ngày 26/10/2022, UBND thị xã S ban hành Quyết định thu hồi thửa đất theo GCNQSDĐ số BA 867376, xác định chủ sử dụng đất là bà D. Xét thấy thông báo thu hồi đất, biên bản kiểm đếm và Quyết định thu hồi đất cùng các quyết định khác liên quan đến việc thu hồi đất đối với chủ sử dụng đất ông Đỗ Văn D đều ban hành sau thời điểm ông D và bà D ly hôn và thỏa thuận chia tài sản. Mặt khác trong thời kỳ hôn nhân ông D và bà D có 02 thửa đất ở tại 02 địa điểm khác nhau chứ không cùng trên một thửa đất, trên thửa đất của ông D bị thu hồi tại địa chỉ số 10 đường Phạm Ngọc Thạch thuộc tổ 9c, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai (Nay thuộc tổ 02, phường Phan Si Phan, thị xã S). Thửa đất được xác định là đất ở và đã được phân chia quyền quản lý sử dụng cho ông D, ngoài thửa đất này ra ông D không còn thửa đất nào khác tại địa bàn nơi có đất bị thu hồi. Do đó, việc UBND thị xã S xác định thời điểm thu hồi đất ông D còn thửa đất ở hợp pháp khác ngoài thửa đất ở bị thu hồi, thửa đất theo GCNQSDĐ số BA 867376 do UBND huyện S cấp ngày 04/7/2011 là không phù hợp.

Đối với việc xác định ông D có phải di chuyển chỗ ở khi thu hồi đất không thấy rằng: Tại Báo cáo số 134/BC-UBND ngày 01/6/2021 của UBND phường P có nội dung về việc ông D đăng ký thường trú tại tổ 2, phường P tại vị trí thửa đất thu hồi và không thường xuyên sinh sống tại vị trí đất thu hồi. Theo đó báo cáo của UBND phường chỉ xác định về việc ông D không thường xuyên sinh sống tại vị trí đất thu hồi chứ không phải hoàn toàn không sinh sống tại đây. Hơn nữa, cũng trong Báo cáo số 134 thì xác định ông D sử dụng nhà ở ổn định tại tháng 11/2004 cho đến nay. UBND thị xã S cho rằng ông D hiện đang sinh sống cùng con trai là Đỗ Trường Giang nhưng không có căn cứ xác định việc ông D sinh sống cùng con trai từ khi nào và có sinh sống ổn định, lâu dài, thường xuyên tại nhà anh Đỗ Trường Giang. Trong khi đó tại vị trí đất thu hồi ông D có nhà ở và sử dụng ổn định, tại Biên bản kiểm đếm ngày 10/7/2020 đã xác định chủ sử dụng hợp pháp đất đai và tài sản là ông Đỗ Văn D, tại biên bản kiểm đếm đã xác định đất ở, nhà xây cùng toàn bộ tài sản trên đất; khi nhà nước thu hồi đất đồng nghĩa với việc ông D phải tháo dỡ nhà ở nên đây là căn cứ xác định ông D phải di chuyển chỗ ở.

[4] Từ những nhận định ở trên, thấy rằng mặc dù UBND thị xã S thực hiện việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Đỗ Văn D là đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nhưng có sai sót, không phù hợp với quy định về một số nội dung. UBND thị xã S xác định ông D có đất ở bị thu hồi nhưng không phải di chuyển chỗ ở và tại thời điểm thu hồi đất có thửa đất hợp pháp trên cùng địa bàn phường P nên không được hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của

ông D. Xét thấy: Yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn D về việc hủy một phần nội dung Quyết định số: 3194/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của UBND thị xã S v/v điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 và một phần nội dung Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND thị xã S đối với hộ ông Đỗ Văn D và buộc UBND thị xã S thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện ông Đỗ Văn D không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm; Người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã S phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 Luật tổ tụng hành chính, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 66, Điều 69, Điều 83 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện ông Đỗ Văn D:**

- Hủy bỏ một phần nội dung Quyết định số: 3194/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã S V/v điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 và một phần nội dung Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 đối với hộ ông Đỗ Văn D;

- Buộc Ủy ban nhân dân thị xã S phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

**2. Về án phí:**

Ông Đỗ Văn D không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho ông Đỗ Văn D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu AC-21P, số 0000390 ngày 24/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Lào Cai phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Văn Thanh**